TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM–PT
Ngày: 09 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Bà Hồ Tuấn Anh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Duy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 và ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2018/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXX-PT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam; địa chỉ tầng 1, 6, 7 Tòa nhà Cornerstone, số 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ông Nguyễn Ngọc Ch - Chuyên viên chính 1 – Thu hồi nợ KHDN khu vực miền Trung – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; địa chỉ số 211 đường V, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 07 năm 2017)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình Hu - Chủ DNTN tư nhân Nguyễn Đình Hu; địa chỉ số 882 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và số 07 đường Nguyễn H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Quang K – Văn phòng Luật sư Quang Kiệm thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng:* Ông Trương Ngọc Q; địa chỉ số 89-91 đường M, TP. Q, tỉnh Bình Định. Bà Quách Thị Tố Tr, bà Phùng Thị Minh H, bà Lê Thị Hồng Q; cùng địa chỉ số 104 đường M, TP. Q, tỉnh Bình Định. Ông Ngô Hải H, ông Trần Vương Th; cùng địa chỉ số 59 đường M, TP. Q, tỉnh Bình Định. Ông Nguyễn Trường Gi; địa chỉ thôn Long Th, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Ch, trình bày:

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (viết tắt là VIB) cho ông Nguyễn Đình Hu – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình Hu vay vốn theo Hợp đồng tín dụng vay hạn mức số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013, cụ thể như sau: Số tiền vay 2.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng, dầu, nhớt, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất áp dụng đối với các khoản rút vốn dưới tiện ích tín dụng ngắn hạn, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, trả nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng theo khế ước nhận nợ, trả nợ gốc cuối kỳ theo khế ước nhận nợ. Để đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Đình Hu có thế chấp tài sản là nhà và đất ở tại 07 Nguyễn H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 37010714, hồ sơ gốc số 8260 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 23/01/2003 cho vợ chồng ông Nguyễn Đình Hu, bà Hồ Thị Nh.

Từ ngày 17/4/2013, VIB đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình Hu nhiều lần với tổng số tiền nhận nợ tại mọi thời điểm không vượt quá hạn mức 2.000.000.000 đồng, phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 đã ký kết. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đến trước ngày 10/6/2014, ông Nguyễn Đình Hu – Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB. Đến ngày 10/6/2014, dư nợ gốc của ông Nguyễn Đình Hu tại VIB là 1.292.000.000 đồng, thể hiện các khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ số 0037.25 ngày 10/02/2014: 391.600.000đ; khế ước nhận nợ số 0037.26 ngày 27/02/2014: 200.000.000đ; khế

ước nhận nợ số 0037.27 ngày 03/3/2014: 196.500.000đ; khế ước nhận nợ số 0037.28 ngày 05/3/2014: 293.900.000đ; khế ước nhận nợ số 0037.29 ngày 04/4/2014: 210.000.000đ.

Ngày 10/6/2014, Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu có đề nghị thu nợ tất toán Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do sơ suất nên nhân viên VIB Qchỉ thu tất toán 04 kế ước nhận nợ, gồm: Khế ước nhận nợ số 0037.25; khế ước nhận nợ số 0037.26; khế ước nhận nợ số 0037.28; khế ước nhận nợ số 0037.29. Chưa thu nợ khế ước nhận nợ số 0037.27 với số tiền gốc và lãi (đến ngày 10/6/2014) là 196.943.216đ (gốc 196.500.000đ; lãi 443.216đ). Ngân hàng đã lập biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng và xuất trả lại tài sản bảo đảm cho bên thế chấp.

Sau khi thực hiện nghiệp vụ giải chấp tài sản, nhân viên VIB phát hiện sai sót do lỗi hệ thống mạng internet của nội bộ của VIB, VIB thông báo và yêu cầu ông Hu trả số tiền nợ còn lại đế tất toán khế ước nhận nợ số 0037.27, nhưng ông Hùng không trả. Khoản vay của ông Nguyễn Đình Hu chuyển sang quá hạn từ ngày 03/7/2014. Tính đến ngày 28/8/2018, ông Nguyễn Đình Hu còn nợ VIB số tiền 342.571.550đ (trong đó nợ gốc 196.500.000đồng, nợ lãi trong hạn 1.899.500đ và lãi quá hạn 144.172.050đ).

Nay VIB yêu cầu Tòa án tuyên Biên bản thanh lý Hợp đồng tín dụng ký ngày 11/6/2014 giữa VIB với ông Nguyễn Đình Hu để thanh lý HĐTD số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013, vô hiệu do nhầm lẫn theo Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2005. Buộc ông Nguyễn Đình Hu phải trả cho VIB số tiền nêu trên và còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/8/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Hu – Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ký Hợp đồng tín dụng vay hạn mức số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 để vay vốn tại VIB. Năm 2014 ông có vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – chi nhánh Qsố tiền cụ thể: Ngày 10/02/2014 vay 391.600.000đ; ngày 27/02/2014 vay 200.000.000đ; ngày 03/3/2014 vay 196.500.000đ; ngày 05/3/2014 vay 293.900.000đ; ngày 04/4/2014 vay 210.000.000đ. Sau khi vay ông đã trả nợ gốc và lãi cho VIB, đến ngày 11/6/2014 ông cùng với VIB tiến hành thanh lý hợp đồng. VIB đã giao lại tài sản thế chấp cho bên vay, bên vay không còn nghĩa vụ gì với VIB. Hai bên có lập Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/6/2014.

Tại bản khai ngày 13/01/2016, ông Nguyễn Đình Hu - Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu thừa nhận tính đến ngày 24/5/2014, ông đã tất toán cho VIB 24 khế ước nhận nợ theo hợp đồng vay số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013. Ngày 03/6/2014, ông trả nợ gốc và lãi tất toán cho khế ước nhận nợ số 0037.27 ngày 03/3/2014. Ngày 10/6/2014, ông còn nợ VIB số tiền

1.106.442.828đ (trong đó nợ gốc 1.095.500.000đ, nợ lãi 10.942.828đ) thể hiện tại 04 khế ước nhận nợ số 0037.25 ngày 10/02/2014; 0037.26 ngày 27/02/2014; 0037.28 ngày 05/3/2014; 0037.29 ngày 04/4/2014. Cùng ngày 10/6/2014, ông đã trả số tiền 1.106.442.828đ, tất toán toàn bộ số tiền đã vay của VIB.

Nay VIB yêu cầu Tòa án tuyên Biên bản thanh lý Hợp đồng tín dụng ký ngày 11/6/2014 giữa VIB Qvới ông để thanh lý HĐTD số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 vô hiệu và buộc ông phải trả tiền gốc và lãi 342.571.550đ, ông không đồng ý.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2018/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Q, đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của VIB yêu cầu: Ông Nguyễn Đình Hu - Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu (nay đổi tên: Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải Nguyễn Đình Hu) trả số tiền: Nợ gốc 196.500.000đ của HĐ tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 và tiền lãi trong hạn 1.899.500đ, tiền lãi quá hạn 144.172.050đ, tổng cộng 342.571.550đ, lãi tính đến ngày 28.8.2018. Không chấp nhận yêu cầu của VIB Biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng ký ngày 11.6.2014 giữa VIB Qvà DNTN Nguyễn Đình Hu để thanh lý hợp đồng tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB412.13 vô hiệu do nhầm lẫn.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của VIB không yêu cầu xem xét đến tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0015/HĐTC2-VIB412.09 ngày 23/4/2009 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 0015.01/HĐTC2-VIB412.09/BĐ ngày 03/3/2012 giữa VIB với vợ chồng ông Nguyễn Đình Hu, bà Hồ Thị Nh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm chưa thi hành.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, VIB có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm:

- Xem xét sửa Bản án sơ thẩm tuyên Biên bản thanh lý Hợp đồng tín dụng ký ngày 11/6/2014 giữa VIB Qvới ông Nguyễn Đình Hu để thanh lý HĐTD số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 vô hiệu do nhầm lẫn.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc ông Nguyễn Đình Hu - Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu phải trả cho VIB số tiền nợ gốc 196.500.000đ, lãi trong hạn 1.899.500đ và lãi quá hạn 150.345.425đ tính đến ngày 01/11/2018 và còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng vay hạn mức số: 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 kể từ ngày 02/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu luận cứ: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của VIB.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Đình Hu - Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu phải trả cho VIB số tiền nợ gốc 196.500.000đ và chỉ buộc ông Hu phải trả lãi trên số nợ gốc đến ngày 10/6/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án tuyên: Biên bản thanh lý Hợp đồng tín dụng ký ngày 11/6/2014 giữa VIB Chi nhánh Qvới ông Nguyễn Đình Hu – Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu để thanh lý HĐTD số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 là vô hiệu do nhầm lẫn theo Điều 131 Bộ luật Dân sự 2005, Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm thấy rằng: Giữa nguyên đơn VIB với bị đơn ông Nguyễn Đình Hu – Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu đều thống nhất việc ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 và số tiền bị đơn còn nợ VIB tính đến ngày 24/5/2014 là 1.303.386.044đ (trong đó nợ gốc 1.292.000.000đ; nợ lãi 11.386.044đ). Nhưng khi ông Nguyễn Đình Hu đề nghị trả nợ để tất toán HĐTD số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013, do lỗi của hệ thống mạng internet nội bộ của VIB khi xuất bảng kê tính gốc, lãi khoản vay của ông Hu từ phần mềm quản lý tín dụng của VIB chỉ có số liệu của 04 khế ước, nên nhân viên VIB có sự nhầm lẫn chỉ thu của ông Hu số tiền 1.106.442.828đ (trong đó nợ gốc 1.095.500.000đ; nợ lãi 10.942.828đ) của 04 khế ước gồm: Khế ước nhận nợ số 0037.25; Khế ước nhận nợ số 0037.26; Khế ước nhận nợ số 0037.28; Khế ước nhận nợ số 0037.29", riêng khế ước nhận nợ số 0037.27 với số tiền gốc 196.500.000đ và lãi 443.216 chưa thu, điều này thể hiện rõ tại giấy ủy nhiệm chi ngày 10/6/2014 (BL53) ông Nguyễn Đình Hu – Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu "trả tất toán nợ vay và lãi" với số tiền 1.106.445.000đ (gốc 1.095.500.000đ; nợ lãi 10.942.828đ). Ngoài ra, hệ thống mạng nội bộ của VIB là quản lý trên toàn hệ thống, việc truy xuất thông tin dư nợ của khách hàng bị thiếu nội dung dư nợ của ông Nguyễn Đình Hu vào ngày 10/6/2014 chỉ là lỗi nhỏ của phần mềm chứ không phải cả hệ thống mạng nên nhân viên VIB không biết và cũng không thể yêu cầu khắc phục sự cố được, đến ngày 17/6/2014 khi VIB Qđóng tài khoản của Hu không được thì mới biết việc truy xuất thông tin dư nợ ngày 10/6/2014 của ông Hu bị lỗi. Mặt khác, Hu nại rằng đã trả cho VIB số tiền 196.500.000đ vào ngày 03/6/2014 cho bà Phùng Thị Minh H là giao dịch viên làm nhiệm vụ thu ngân tại VIB, tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai đối với bà Huệ thì bà xác nhận chỉ trực tiếp thu của ông Hùng số tiền 1.962.817 đồng vào ngày 03/6/2014, phù hợp với chứng từ thu tiền lãi ngày 03/6/2014 có chữ ký xác nhận nộp tiền của ông Nguyễn Đình Hu (BL500), mà không có chứng từ thể hiện việc ông Hùng nộp khoản tiền 196.500.000đ. Ngoài ra, tại bảng kê chi tiết tài khoản khách hàng (BL59) thể hiện tiền gửi thanh toán của doanh nghiệp chỉ phát sinh

thu nợ lãi hàng tháng và nợ gốc cuối kỳ của các khoản nợ vay của doanh nghiệp, tại bảng kê này không thể hiện số tiền 196.500.000đồng tại cột phát sinh có của doanh nghiệp. Ông Hu còn nại có đưa biên lai nộp số tiền 196.500.000 đồng cho bà Mai Thị Kiều Dung và yêu cầu đối chất với bà Dung để làm rõ, nhưng theo Công văn số 1699/PA72-DD3 ngày 04/12/2017 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Công an tỉnh Bình Định xác nhận thì bà D đã xuất cảnh gần nhất vào ngày 22/02/2015 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, chưa có thông tin nhập cảnh về lại Việt Nam và tại biên bản xác minh ngày 03/8/2017 và ngày 12/3/2019 cha ruột của bà Dung xác nhận bà D đã đi Úc từ năm 2015 và không biết địa chỉ liên lạc. Tuy nhiên, căn cứ hợp đồng lao động ký ngày 29/7/2014 giữa VIB với bà D thì chức năng chuyên môn của bà D là nhân viên giao dịch tín dụng tại VIB, do đó bà D không có chức năng, nhiệm vụ giữ chứng từ nộp tiền của khách hàng (BL667, 668, 669), đồng thời chứng từ nộp tiền là chứng cứ để chứng minh cho việc khách hàng đã nộp tiền cho ngân hàng, ngân hàng phải giao cho khách hàng một bản mà không được quyền thu lại, nên việc đối chất giữa ông Hu với bà D là không cần thiết. Hơn nữa, Ông Hu không cung cấp được biên lai để chứng minh cho việc đã nộp số tiền 196.500.000 đồng cho VIB và cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc đã tất toán khế ước nhận nợ số 0037.27 với số tiền gốc 196.500.000đ và lãi 443.216 với VIB. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo về phần này của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu ông Nguyễn Đình Hu - Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu phải trả cho VIB số tiền nợ gốc 196.500.000đ, lãi trong hạn 1.899.500đ và lãi quá hạn 150.345.425đ tính đến ngày 01/11/2018 và tiếp tục trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay, HĐXX xét thấy: VIB là bên có lỗi vô ý làm cho ông Hùng – Chủ DNTN Nguyễn Đình Hu nhầm lẫn trong việc xác lập "Biên bản thanh lý ngày 11/6/2014" để thanh lý Hợp đồng tín dụng vay hạn mức số: 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 giữa hai bên. Theo quy định tại điều 137 Bộ luật dân sự 2005 về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu thì giao dịch trên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập; các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Do đó, HĐXX chỉ chấp nhận kháng cáo của VIB về phần yêu cầu ông Hùng trả cho VIB số tiền nợ gốc 196.500.000đ, nợ lãi 443.216đ tính đến ngày 10/6/2014 là ngày ông Nguyễn Đình Hu yêu cầu tất toán hợp đồng tín dụng, tổng cộng là 196.943.216, không chấp nhận phần kháng cáo yêu cầu tính lãi chậm trả và lãi quá hạn tính đến ngày 01/11/2018 với tổng số tiền lãi là 151.801.709đ.

Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Đình Hu phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho VIB là: 196.943.216đ x 5% = 9.847.160đ. VIB phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là: 151.801.709đ x 5% = 7.590.085đ, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 4.975.000đ theo biên lai thu số 06599 ngày 13.8.2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, nên VIB còn phải nộp 2.615.805đ.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2015/KDTM-ST ngày 29.9.2015 của Tòa án nhân dân TP. Qbị cấp phúc thẩm sửa, Tiền tạm ứng án phí 200.000đ VIB đã nộp theo biên lai thu số 01549 ngày 15.10.2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, được hoàn trả lại cho VIB theo quyết định của Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2016/KDTM-PT ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, nhưng VIB chưa nhận. Do đó, VIB được hoàn trả lại số tiền này.

- Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2018/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị sửa, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì VIB không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn của Luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 122, 127, 131 và Điều 137 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 46/2018/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

1. Tuyên bố Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 11/6/2014 để thanh lý hợp đồng tín dụng vay hạn mức số: 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Qvới ông Nguyễn Đình Hu – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình Hu, vô hiệu toàn bộ do bị nhầm lẫn.

2. Buộc ông Nguyễn Đình Hu – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình Hu phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền: 196.943.216đ (trong đó nợ gốc: 196.500.000đ; nợ lãi: 443.216đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng vay hạn mức số: 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013.

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình Hu – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình Hu phải chịu 9.847.160 đ.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam phải chịu 7.590.085đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.975.000đ, theo biên lai thu số 06599 ngày 13/8/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam còn phải nộp 2.615.085đ.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 01549 ngày 15 tháng 10 năm 2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000607 ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam 1.700.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000821 ngày 27 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Võ Công Phương